

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ THI CÔNG SD VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ THI CÔNG SD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SD VIET NAM DESIGN CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109424550

3. Ngày thành lập: 20/11/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 138 Tân Triều, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ mìn)	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390(Chính)
-----	--	-------------

20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động đo đạc và bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình - Giám sát công tác xây dựng: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Thẩm tra thiết kế xây dựng Kiểm định xây dựng Tư vấn quản lý dự án	7110
21.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
22.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
23.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
24.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820

26.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
27.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
28.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
29.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
30.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
31.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
32.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
33.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
34.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
35.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
36.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
39.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
40.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
41.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
42.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
43.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
44.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

45.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
46.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
47.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
48.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
50.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
54.	Bốc xếp hàng hóa	5224
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics	5229
57.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
58.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
59.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
60.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
61.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
62.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
63.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

64.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
65.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
66.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
67.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
68.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
69.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
70.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
71.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
72.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
73.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
74.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
75.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
76.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HỒ THỊ THANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 03/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 162484414

Ngày cấp: 19/02/2008

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 96 Tây Ga, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 96 Tây Ga, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội